TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST
Ngày: 12/7/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lữ Đình Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.
2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 52/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: 194 Trần Q, phường L, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn C – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trịnh Ngọc T – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch K (Có mặt).

Địa chỉ: 156A P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Y M, sinh năm 1964 và bà H N, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn M, xã K, huyện K, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Y P, sinh năm 1991 (Vắng mặt).
2. Chị H H, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn M, xã K, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc Thành trình bày:

Ngân hàng TMCP B – chi nhánh Đ – phòng giao dịch K đã ký hợp đồng tín dụng với bà H N, ông Y M nội dung như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/8226560/HĐTD ngày 18/8/2020, cho vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 19/8/2020 đến ngày 19/8/2021 và sau đó được gia hạn thêm 11 tháng đến ngày 19/7/2022.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng nói trên, bà H N, ông Y M đã dùng tài sản thế chấp sau để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của bên vay vốn cụ thể là:

- Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8226560/HĐBĐ ngày 14/01/2016 đối với quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 798821 được UBND huyện K cấp ngày 21/4/2015 cho hộ bà H N và ông Y M, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, diện tích 8.845m^2, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/01/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H N và ông Y M đã vi phạm nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng TMCP B. Vì vậy, Ngân hàng TMCP B đã khởi kiện thu hồi toàn bộ nợ vay của khách hàng tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Tạm tính đến ngày 09/5/2023, bà H N và ông Y M còn nợ Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là: 216.137.699 đồng. trong đó tổng nợ gốc: 188.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 28.137.699 đồng.

Do bà H N và ông Y M vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP B kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết tranh chấp như sau:

1. Buộc bà H N và ông Y M phải trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền nợ tính đến ngày 09/5/2023 là: 216.137.699 đồng. trong đó tổng nợ gốc: 188.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 28.137.699 đồng.

2. Buộc bà H N và ông Y M phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ lãi, phí phát sinh tính theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 01/2020/8226560/HĐTD ngày 18/8/2020 kể từ ngày 10/5/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP B.

3. Trường hợp bà H N và ông Y M không thực hiện việc trả nợ hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP B, Ngân hàng TMCP B đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP B.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Y M, bà H N trình bày:

Chúng tôi thừa nhận lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B là đúng sự thật. Chúng tôi đã vay tiền của Ngân hàng TMCP B với số tiền gốc là 200.000.000 đồng; mục đích vay là phục vụ việc chăn nuôi bò; thời hạn vay và thỏa thuận lãi suất theo hợp đồng Ngân hàng đã cung cấp. Khi vay chúng tôi đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP B 01 quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, như sau:

- Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8226560/HĐBĐ ngày 14/01/2016 đối với quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 798821 được UBND huyện K cấp ngày 21/4/2015 cho hộ bà H N và ông Y M, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, diện tích 8.845m^2, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/01/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay thì chúng tôi trả được cho Ngân hàng TMCP B một phần nợ lãi và hiện còn nợ lại Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày 09/5/2023 là 216.137.699 đồng. trong đó tổng nợ gốc: 188.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 28.137.699 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả số tiền trên thì chúng tôi đồng ý trả nợ cho ông Ngân hàng TMCP B. Ngoài ra, chúng tôi không có ý kiến gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Y P, chị H H, để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Y P, chị H H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được bản tự khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Y M, bà H N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Y P, chị H H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt tại buổi làm việc lập bản tự khai cũng như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 73 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 317, Điều

318, Điều 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Buộc ông Y M, bà H N phải trả cho Ngân hàng TMCP B số nợ tạm tính đến ngày 12/7/2023 là 221.329.589 đồng. Trong đó, nợ gốc là 188.000.000 đồng và nợ lãi là 33.329.589 đồng. Ông Y M, bà H N còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng trên từ ngày 13/7/2023 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Y M, bà H N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 798821 được UBND huyện K cấp ngày 21/4/2015 cho hộ bà H N và ông Y M, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, diện tích 8.845m^2, tại xã K, huyện K, tỉnh Đ, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/01/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng Ngân hàng TMCP B, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại buôn M, xã K, huyện K, tỉnh Đ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Đối với bị đơn ông Y M, bà H N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Y P, chị H H vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không tham gia tố tụng theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 18/8/2020, ông Y M, bà H N có vay vốn tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP B, số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) là thực tế, được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 01/2020/8226560/HĐTD. Quá trình vay ông Y M, bà H N đã trả được 12.000.000 đồng nợ gốc và 36.649.315 đồng lãi trong hạn. Hiện nay, đã quá hạn trả nợ theo hợp đồng nhưng ông Y M, bà H N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Y M, bà H N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, nên cần buộc ông Y M, bà H N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền vay gốc còn lại là 188.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày vay đến khi trả nợ xong, là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn, cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn: 3.624.658 đồng.

Lãi suất quá hạn: 29.704.932 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 33.329.589 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm ông Y M, bà H N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3] Về tài sản thế chấp: Để bảo đảm khoản vay thì ông Y M, bà H N đã ký và nhận ủy quyền của anh Y P, chị H H ký Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8226560/HĐBĐ ngày 14/01/2016 để thế chấp: Quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 798821 được UBND huyện K cấp ngày 21/4/2015 cho hộ bà H N và ông Y M, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, diện tích 8.845m^2, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/01/2016. Hợp đồng thế chấp được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 292, Điều 293 Bộ luật dân sự năm

2015 và khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ.

Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, được bị đơn ông Y M, bà H N thừa nhận, nên Tòa án công nhận Hợp đồng thế chấp giữa ông Y M, bà H N với Ngân hàng Ngân hàng TMCP B là có thực và hợp pháp.

Vì vậy, trường hợp ông Y M, bà H N không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự cưỡng chế bán phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 798821 được UBND huyện K cấp ngày 21/4/2015 cho hộ bà H N và ông Y M, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, diện tích 8.845m^2, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/01/2016.

Sau khi ông Y M, bà H N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP B có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 798821 được UBND huyện K cấp ngày 21/4/2015 cho hộ bà H N và ông Y M, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, diện tích 8.845m^2 cho ông Y M, bà H N theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Y M, bà H N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền này nguyên đơn đã nộp, nên cần buộc ông Y M, bà H N phải thanh toán lại cho nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Ông Y M, bà H N phải chịu 11.066.479đ (Mười một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, xét đơn đề nghị miễn tiền án phí của ông Y M, bà H N là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án nên miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Y M, bà H N.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 5.259.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72, Điều 73, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 292, Điều 293, Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Buộc ông Y M, bà H N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày 12/7/2023 là 221.329.589đ (Hai trăm hai mươi mốt triệu ba trăm hai mươi chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc 188.000.000 đồng và nợ lãi 33.329.589 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm ông Y M, bà H N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Sau khi ông Y M, bà H N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP B có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 798821 được UBND huyện K cấp ngày 21/4/2015 cho hộ bà H N và ông Y M, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, diện tích 8.845m^2, tại xã K, huyện K cho ông Y M, bà H N theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Y M, bà H N không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự, bán phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 798821 được UBND huyện K cấp ngày 21/4/2015 cho hộ bà H N và ông Y M,

thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, diện tích 8.845m^2, tại xã K, huyện K, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/01/2016.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Y M, bà H N phải trả cho Ngân hàng TMCP B 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Ông Y M, bà H N phải chịu 11.066.479đ (Mười một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, xét đơn đề nghị miễn tiền án phí của ông Y M, bà H N là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án nên miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Y M, bà H N.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 5.259.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0016869, ngày 09/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lữ Đình Tính

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.